

UBND QUẬN LÊ CHÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-THTT

Quận Lê Chân, ngày tháng 6 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN Năm 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường Tiểu học Tân Trào

2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 3/122 Đình Đông, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng - Điện thoại: 0225.3940651.

Trang điện tử: <https://tthantraolechan.haiphong.edu.vn>

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công lập.

Cơ quan quản lý trực tiếp: Ủy ban nhân dân quận Lê Chân.

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

* **Sứ mạng:** Tạo dựng môi trường học tập có nề nếp, kỷ cương, chất lượng cao. Mỗi học sinh đều có cơ hội để phát triển khả năng sáng tạo của bản thân. Học sinh tích cực học tập, chăm ngoan, lễ phép, hòa thuận với bạn bè; có khả năng thích ứng với sự phát triển của xã hội và trở thành những công dân tốt.

* **Tầm nhìn:** Phấn đấu là một trường chuẩn mực và năng động, có uy tín giáo dục đối với cha mẹ học sinh, cộng đồng xã hội. Học sinh được phát triển trong môi trường thân thiện, hiện đại. Là nơi đào tạo học sinh thành những con người sống có trách nhiệm, lòng nhân ái, hoà nhập tốt với cộng đồng và luôn có khát vọng vươn lên.

* **Mục tiêu:** Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của địa phương, đất nước và thời đại.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

Trường Phổ thông cấp I+II Tân Trào được thành lập từ năm 1975.

Đến năm 1998, theo Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 03/02/1998 của UBND quận Lê Chân đổi tên trường Phổ thông cấp I+II Tân Trào thành trường Tiểu học Tân Trào. Trải qua gần 50 năm phát triển, Nhà trường có một bề dày thành tích, đáp ứng mục tiêu giáo dục và phát triển dân trí, là địa chỉ đáng tin cậy của nhân dân trên địa bàn. Năm 2016, nhà trường được công nhận Kiểm định chất lượng mức độ 2 cấp Thành phố.

Trải qua quá trình xây dựng và phát triển trường đã có nhiều năm đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến. Chi bộ được Đảng bộ công nhận trong sạch vững

manh tiêu biểu. Công đoàn, Chi đoàn thanh niên, Đội thiếu niên vững mạnh xuất sắc. Nhiều cán bộ, giáo viên nhà trường đã được UBND thành phố Hải Phòng, UBND quận Lê Chân... tặng bằng khen, giấy khen trong các năm học. Giáo viên tích cực tham gia các cuộc thi giáo viên giỏi cấp quận, thành phố, có nhiều sáng kiến ứng dụng vào thực tế giảng dạy. Phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3, 100% trẻ 6 tuổi vào học lớp 1. Quy mô trường lớp và số lượng học sinh ổn định. Chất lượng giáo dục toàn diện được duy trì, nhiều học sinh đạt các giải về các môn: Thể dục, vẽ tranh, Tiếng Anh, Sơn Ca, dẫn chương trình, Múa nghệ thuật, VioEdu Tổng hợp, VioEdu Tiếng Anh, Toán Timo, ... cấp quận, cấp thành phố, quốc gia. Phát huy điểm mạnh, trong những năm học gần đây trường Tiểu học Tân Trào đã trở thành địa chỉ tin cậy của nhân dân khi gửi gắm con em mình vào trường.

Trường có diện tích khuôn viên khang trang với tổng diện tích khuôn viên là 1866,43m², diện tích sân chơi rộng 640 m². Nhà trường có 23 phòng học và 01 phòng tin học thuộc khối phòng học tập phục vụ học sinh học, khối phòng hành chính quản trị, có nhà vệ sinh, riêng cho giáo viên và học sinh, nhà để xe dành cho giáo viên. 100% học sinh được học 2 buổi/ngày. Tổ chức cho học sinh ăn bán trú từ lớp 1 đến lớp 5. Đội ngũ giáo viên tâm huyết, nhiệt tình với nghề, luôn tận tụy, tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu, đổi mới phương pháp giảng dạy thực hiện tốt Chương trình GDPT 2018. Được sự quan tâm giúp đỡ của các cấp lãnh đạo và của Đảng uỷ, chính quyền, nhân dân địa phương, sự chỉ đạo sát sao của phòng GD&ĐT quận Lê Chân, đặc biệt là sự nỗ lực cố gắng, khắc phục khó khăn phấn đấu vươn lên của tập thể, cán bộ giáo viên và các thế hệ học sinh, nhà trường đã phát triển không ngừng về mọi mặt, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp giáo dục của địa phương.

Tính đến thời điểm hiện nay, nhà trường có 36 CBQL, GV, NV (trong đó 02 cán bộ quản lý, 32 giáo viên, 02 nhân viên). 33/34 cán bộ quản lý, giáo viên (97,2%) đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, trong đó trình độ thạc sỹ là 8,8% (03/34); trình độ đại học là 88,3 % (30/34); 01 giáo viên chưa đạt chuẩn (2,9%); 86,1% cán bộ, giáo viên, nhân viên là đảng viên (31/36); 100% CBGVNV có chứng chỉ A, B tin học và ngoại ngữ. Tỷ lệ giáo viên đạt 1,68 GV/lớp, nhà trường có đủ giáo viên chuyên dạy các môn: Âm nhạc, Mỹ thuật, Tiếng Anh, Tin học, Giáo dục thể chất.

Tại thời điểm báo cáo, nhà trường có 689 HS được chia thành 19 lớp. Trong đó: khối 1: 124 em/4 lớp; khối 2: 132 em/4 lớp; khối 3: 111 em/3 lớp; khối 4: 171 em/4 lớp; khối 5: 151 em/4 lớp; bình quân học sinh 36,3 em/lớp. 689/689 học sinh học 2 buổi/ngày (đạt 100%).

Trong những năm học vừa qua, chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường luôn được giữ vững và ổn định. Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình

lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 99-100%. Năm học 2024-2025 có tổng số 55 giải trong các cuộc thi Quốc tế, Quốc gia, thành phố và quận với thể mạnh là các giải về thi đấu TĐTT, vẽ tranh, Toán, Tiếng Anh qua mạng, VioEdu, ... (tăng 30 giải so với năm học trước). Cụ thể:

- + Cấp quốc gia, quốc tế: 16 giải (1 HC Bạc, 8 HC Đồng, 5 giải Nhất, 2 giải KK)
- + Cấp thành phố: 20 giải (5 giải Nhất, 05 giải Nhì, 03 giải Ba, 07 KK)
- + Cấp Quận: 10 giải (02 nhất, 04 nhì, 03 ba, 1KK)
- + Cấp trường: 9 giải Cờ vua.

Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, qua đó phát hiện học sinh có năng khiếu, bồi dưỡng nhân tài, rèn kỹ năng sống, giúp học sinh học tập một cách tích cực, chủ động, sáng tạo và phát triển toàn diện. Nhà trường phối hợp với các tổ chức đoàn thể của địa phương để thực hiện tốt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, huy động trẻ trong độ tuổi đi học ra lớp đạt tỉ lệ cao. Nhà trường có nhiều giải pháp hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ khuyết tật được tới trường học tập, không có học sinh bỏ học.

Trong những năm qua, nguồn tài chính đảm bảo cho nhà trường hoạt động thường xuyên gồm: Nguồn ngân sách nhà nước cấp như lương, phụ cấp theo lương được chi trả theo đúng quy định của Nhà nước về quản lý tài chính, đảm bảo chi trả đầy đủ, kịp thời hàng tháng cho người lao động. Căn cứ vào kinh phí được cấp cho từng năm, nhà trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ; sử dụng có hiệu quả, đúng mục đích, tiết kiệm. Việc lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính được nhà trường thực hiện theo đúng chế độ kế toán, tài chính của Nhà nước; mỗi học kỳ, nhà trường đều công khai tài chính cho toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong cuộc họp hội đồng sư phạm nhà trường, niêm yết trên bảng tin, có sự giám sát của Hội đồng trường, Công đoàn và Ban thanh tra nhân dân.

Nhà trường có đầy đủ hệ thống văn bản pháp quy về giáo dục và đào tạo. Hằng năm, căn cứ Chỉ thị nhiệm vụ năm học, Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của sở GD&ĐT Hải Phòng, phòng GD&ĐT quận, tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường, Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện kế hoạch có hiệu quả, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học. Trong từng năm học, nhà trường luôn thực hiện nghiêm túc Quy chế chuyên môn, quan tâm chú trọng các hoạt động chuyên môn như: Tổ chức các chuyên đề về đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức hội giảng cấp trường và dự thi các cấp; dự giờ, thăm lớp; thực hiện tốt công tác kiểm tra nội bộ trường học. Trong năm học, có nhiều cán

bộ, giáo viên, nhân viên tham gia viết sáng kiến về các hoạt động quản lý, chuyên môn, nghiệp vụ. Đặc biệt, nhà trường đã thực hiện tốt công tác bồi dưỡng học sinh năng khiếu, góp phần vào sự phát triển chung của ngành GD&ĐT quận Lê Chân.

Trường có nhiều giáo viên đã được UBND thành phố Hải Phòng, UBND quận Lê Chân... tặng bằng khen, giấy khen.

Phát huy truyền thống và kết quả đã đạt được trong những năm học qua, mục tiêu phấn đấu của nhà trường hiện nay là: Tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng mục tiêu giáo dục theo Chương trình GDPT2018, từng bước nâng cao hơn phấn đấu xây dựng trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 trong những năm tới.

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Tuyền - Chức vụ: Hiệu trưởng

Số điện thoại: 0982 346 338

Địa chỉ Email: kimtuyendh@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập: Quyết định số 82/QĐ-UB ngày 03/02/1998 của UBND quận Lê Chân đổi tên trường Phổ thông cấp I+II Tân Trào thành trường Tiểu học Tân Trào.

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định Kiện toàn Hội đồng trường Trường Tiểu học Tân Trào nhiệm kỳ 2021 - 2026: Số 568/QĐ-UBND ngày 03/3/2025 do Chủ tịch UBND quận Lê Chân kí.

Cơ cấu:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Hội đồng trường
1	Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Bí thư Chi bộ - Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Bà Hoàng Thị Yên	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Bà Phạm Thị Hương	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên
4	Bà Bùi Thị Thu Huấn	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thư ký
5	Bà Nguyễn Thị Hằng	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thành viên
6	Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thành viên
7	Bà Nguyễn Thị Thu	Giáo viên, Tổ trưởng CM	Thành viên

	Hương		
8	Bà Nguyễn Thị Phương Trà Mi	Giáo viên, Bí thư Đoàn TNCSHCM	Thành viên
9	Ông Trần Quốc Toàn	Giáo viên TPT Đội TNTP Hồ chí Minh	Thành viên
10	Ông Vũ Đình Bách	Phó Chủ tịch UBND phường Hàng Kênh	Thành viên
11	Bà Đào Thị Phương Ngân	Trưởng Ban đại diện cha mẹ HS.	Thành viên

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

- Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng: Nguyễn Thị Kim Tuyền: Quyết định số 3668/QĐ-UBND quận ngày 23/12/2024 của UBND quận Lê Chân về việc bổ nhiệm có thời hạn Hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Trào;

- Quyết định về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Tân Trào: Hoàng Thị Yến: Quyết định số 3560/QĐ-UBND ngày 29/11/2023 của UBND quận Lê Chân;

d) Cơ cấu, quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

* Cơ cấu: Căn cứ Điều 9 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo [Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT](#) quy định cơ cấu tổ chức của [trường tiểu học](#) công lập gồm:

- Hội đồng trường;
 - Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng;
 - Hội đồng thi đua khen thưởng;
 - Hội đồng kỉ luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
 - Hội đồng tư vấn;
 - Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam;
 - Tổ chức Công đoàn;
 - Tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
 - Tổ chức Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh;
 - Các tổ chuyên môn;
 - Tổ văn phòng;
 - Lớp học sinh.
 - Ban đại diện Cha mẹ học sinh nhà trường.
- * Quy chế tổ chức và hoạt động của nhà trường:

Xây dựng quy hoạch phát triển nhà trường; xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo, đánh giá kết quả thực hiện trước Hội đồng trường và các cấp có thẩm quyền;

Thành lập các tổ chuyên môn, tổ văn phòng và các hội đồng tư vấn trong nhà trường; bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó. Đề xuất các thành viên của Hội đồng trường trình các cấp thẩm quyền quyết định. Quản lý giáo viên, nhân viên; quản lý chuyên môn; phân công công tác, kiểm tra, đánh giá xếp loại giáo viên, nhân viên; thực hiện công tác khen thưởng, kỉ luật đối với giáo viên, nhân viên; ký hợp đồng lao động với giáo viên, nhân viên sau khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền; đề nghị tiếp nhận, điều động giáo viên, nhân viên theo quy định của Nhà nước;

Quản lý học sinh và các hoạt động của học sinh do nhà trường tổ chức; xét duyệt kết quả đánh giá, xếp loại học sinh, ký xác nhận học bạ, quyết định khen thưởng, kỷ luật học sinh;

Quản lý tài chính, tài sản của nhà trường; thực hiện các chế độ chính sách của Nhà nước đối với giáo viên, nhân viên, học sinh; tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động của nhà trường; thực hiện công tác xã hội hoá giáo dục của nhà trường; Chỉ đạo thực hiện các phong trào thi đua, các cuộc vận động của ngành; Công khai mục tiêu, nội dung các hoạt động giáo dục, nguồn lực và tài chính, kết quả đánh giá chất lượng giáo dục.

* Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Nhiệm vụ và quyền hạn của trường tiểu học được quy định tại Điều 3 Điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 28/2020/TT-BGDĐT, cụ thể như sau:

- Công khai mục tiêu, chương trình, kế hoạch giáo dục, điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục, kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục; tổ chức giảng dạy, học tập và hoạt động giáo dục đạt chất lượng đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

- Thực hiện giáo dục bắt buộc, phổ cập giáo dục và xóa mù chữ tại địa bàn. Huy động trẻ em đi học đúng độ tuổi, vận động và tạo điều kiện cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt đến trường. Nhận bảo trợ và quản lý các hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo sự phân công của cấp có thẩm quyền.

- Xây dựng chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xây dựng kế hoạch hoạt động giáo dục đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cần đạt theo chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

- Triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành; thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai thực hiện sách giáo khoa và nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh); thực hiện tự chủ chuyên môn trong tổ chức các hoạt động giáo dục tại trường tiểu học.

- Thực hiện tự kiểm định chất lượng và đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định.

- Quản lý cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

- Quản lý và sử dụng đất, tài chính và tài sản của nhà trường theo quy định của pháp luật.

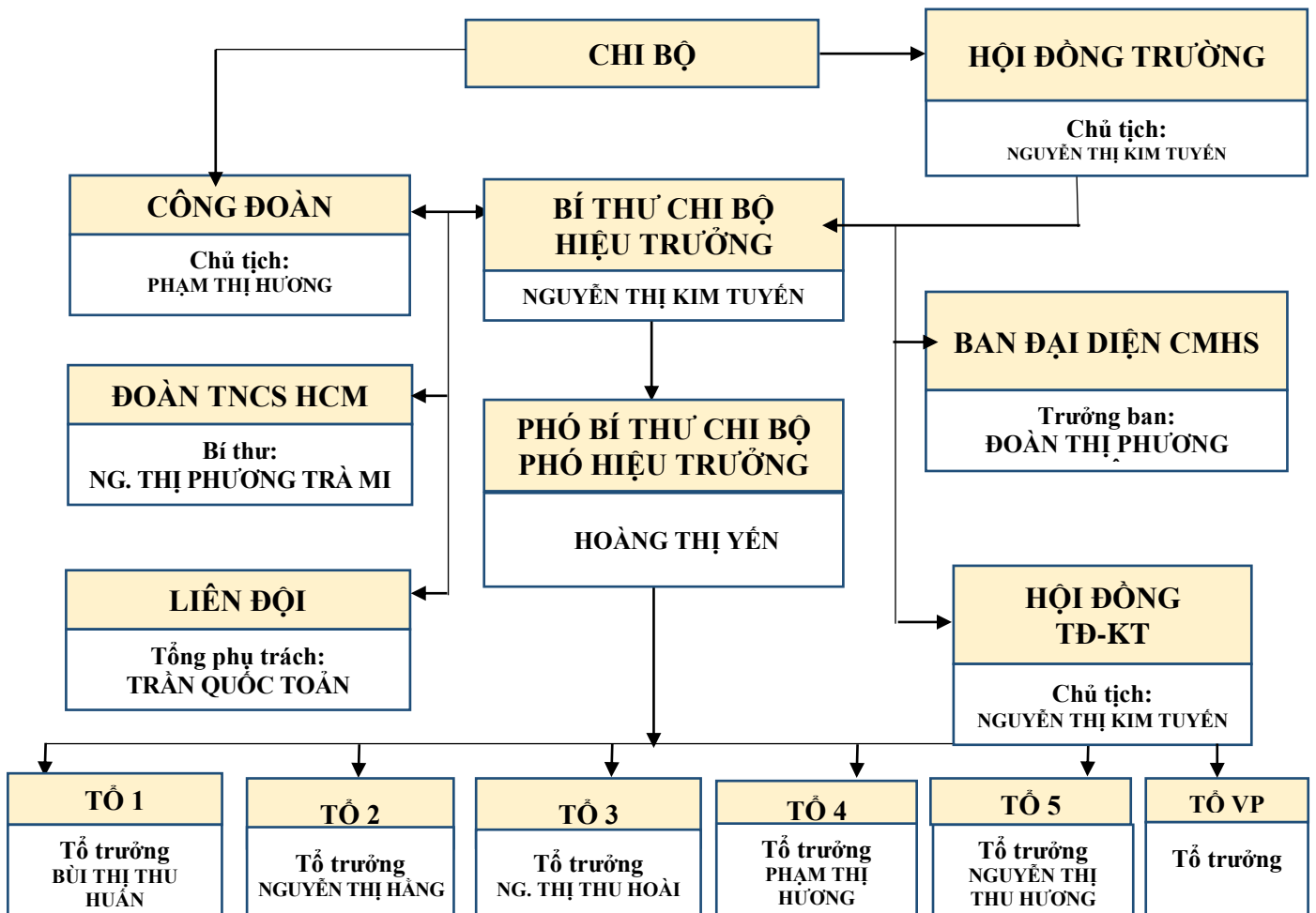
- Phối hợp chặt chẽ với cha mẹ hoặc người giám hộ học sinh, các tổ chức và cá nhân trong cộng đồng thực hiện các hoạt động giáo dục. Tổ chức cho giáo viên, người lao động và học sinh tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục trong nhà trường, tham gia xây dựng môi trường văn hoá - giáo dục ở địa phương.

- Được tiếp nhận các khoản tài trợ, viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân đối với nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

* Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường:



d) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Không

e) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Kim Tuyền - Số điện thoại: 0982 346 338;

- Địa chỉ Email: kimtuyendh@gmail.com

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;

- Quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục;

- Các nghị quyết của Hội đồng trường;

- Quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo.

- Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (không tính lao công, bảo vệ): 36 người. Trong đó:

- Cán bộ quản lý: + Số lượng: 02;

+ Trình độ: 02 Thạc sĩ

- Giáo viên: 32

Tổng số GV	Biên chế			Hợp đồng		Thừa/thiếu/đủ (Ghi rõ thừa, thiếu GV bộ môn nào)	Ghi chú
	Chuẩn và trên chuẩn	Trên chuẩn	Chưa đạt chuẩn	Chuẩn và trên chuẩn	Trên chuẩn		
32	31	1	1	0	0	Đủ cơ cấu giáo viên.	

- Nhân viên: 02 (01 Kế toán, 01 Thư viện-thiết bị); Thiếu: 02

+ Vị trí việc làm: Quản trị công sở, Văn thư.

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt trình độ chuẩn theo quy định: $33/34 = 97,2\%$ (01 GV chưa đạt chuẩn - CĐSP - đang chuẩn bị tham gia các lớp học Đại học nâng cao trình độ).

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định đạt 100%

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích khu đất xây dựng trường, điểm trường, diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Diện tích đất	Tổng diện tích xây dựng, sân chơi, bãi tập	Diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh;	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;
1866,43m ²	1661 m ²	2,7m ² / học sinh	Thiếu 5,3m ²

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Khối phòng hành chính quản trị	<p>a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;</p> <p>e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/15 người, 01 chậu xí/20 người, 01 chậu rửa tay/04 chậu xí nhưng không được ít hơn 01; đối với nữ 01 chậu xí/15 người, 01 chậu rửa tay/02 chậu xí nhưng không được ít hơn 01. Trường hợp khu vệ sinh riêng</p>	<p>a) Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>b) Phòng Phó Hiệu trưởng: có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>c) Văn phòng: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành;</p> <p>d) Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;</p> <p>e) Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt; số lượng thiết bị: đối với nam 01 chậu tiểu/05 người, 01 chậu xí/05 người, 01 chậu rửa tay/01 chậu xí; đối với nữ 01 chậu xí/30 người, 01 chậu rửa tay/01 chậu xí.</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường; g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	g) Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.
Khối phòng học tập	a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; b) Phòng học bộ môn Âm nhạc, Mỹ thuật: có tối thiểu 01 phòng; c) Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ: có tối thiểu 01 phòng; d) Phòng học bộ môn Tin học: có tối thiểu 01 phòng; đ) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng; e) Phòng đa chức năng: có tối thiểu 01 phòng.	a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng (19/19 lớp); có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống đèn và hệ thống quạt; hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học; b) Phòng học bộ môn Âm nhạc: 01 phòng; Mỹ thuật: có 01 phòng; c) Phòng học bộ môn Khoa học - Công nghệ: Thiếu; d) Phòng học bộ môn Tin học: có 01 phòng; đ) Phòng học bộ môn Ngoại ngữ: Thiếu. e) Phòng đa chức năng: Thiếu.
Khối phòng hỗ trợ học tập	a) Thư viện: mỗi trường có tối thiểu 01 thư viện, mỗi điểm trường có tủ sách dùng chung; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh; b) Phòng thiết bị giáo dục: có tối	a) Thư viện: Nhà trường có 01 thư viện (01 phòng đọc của giáo viên, học sinh); mỗi lớp có tủ sách dùng chung; thư viện tối thiểu có các khu chức năng: kho sách, khu quản lý (nơi làm việc của nhân viên thư viện), khu đọc sách dành riêng cho giáo viên và học sinh;

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	<p>thiếu 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để</p> <p>c) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: bảo đảm có 01 phòng, bố trí ở tầng 1;</p> <p>d) Phòng truyền thông: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị;</p> <p>e) Phòng Đội Thiếu niên: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị; có thể kết hợp với phòng truyền thông.</p>	<p>b) Phòng thiết bị giáo dục: có 01 phòng; có đầy đủ giá, tủ để đựng và bảo quản thiết bị dạy học của toàn trường;</p> <p>c) Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập: Dùng chung với phòng Y tế, bố trí ở tầng 1;</p> <p>d) Phòng truyền thông: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị;</p> <p>e) Phòng Đội Thiếu niên: bảo đảm có 01 phòng; trang bị đầy đủ các thiết bị;</p>
Khối phụ trợ	<p>a) Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;</p> <p>b) Phòng Y tế trường học: bảo đảm có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;</p> <p>c) Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;</p> <p>d) Khu để xe học sinh: có mái che; bố trí khu vực để xe cho học sinh khuyết tật gần lối ra/vào;</p> <p>e) Khu vệ sinh học sinh: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 30 học sinh (trường hợp làm</p>	<p>a) Phòng họp: có 01 phòng, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy;</p> <p>b) Phòng Y tế trường học: có 01 phòng; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;</p> <p>c) Nhà kho: có 02 phòng; nơi để dụng cụ chung và học phẩm của trường;</p> <p>d) Khu để xe học sinh: bố trí khu vực để xe cho học sinh, chưa có mái che.</p> <p>e) Khu vệ sinh học sinh: khu vệ sinh riêng biệt, vị trí thuận tiện cho sử dụng; phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt, bảo đảm cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng; số lượng thiết bị: đối với nam 01 tiểu nam, 01 xí và 01 chậu rửa cho 66 học sinh có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiểu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 49 học sinh. Trường hợp khu vệ</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	<p>máng tiêu bảo đảm chiều dài máng 0,6m cho 30 học sinh), có tường/vách ngăn giữa chỗ đi tiêu và xí; đối với nữ 01 xí và 01 chậu rửa cho 20 học sinh. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;</p> <p>Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.</p>	<p>sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;</p> <p>Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường có ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn. Cổng trường, điểm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn cổng và biển tên trường.</p>
Khu sân chơi, thể dục thể thao	<p>a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân phải bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;</p> <p>b) Sân thể dục thể thao bảo đảm an toàn và có dụng cụ, thiết bị vận động cho học sinh.</p>	<p>a) Có một sân chung của nhà trường để tổ chức các hoạt động của toàn trường; sân trường đảm bảo bằng phẳng, có cây xanh bóng mát;</p> <p>b) Không có sân thể dục thể thao.</p>
Khối phục vụ sinh hoạt	<p>a) Nhà bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;</p> <p>b) Kho bếp (đối với trường có tổ chức nấu ăn): phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;</p>	<p>a) Nhà bếp: độc lập với khối phòng học tập và hỗ trợ học tập; dây chuyền hoạt động một chiều, hợp vệ sinh;</p> <p>b) Kho bếp: phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm;</p> <p>c) Nhà ăn: trang bị đầy đủ các</p>

Hạng mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
	<p>c) Nhà ăn (đối với trường có tổ chức nội trú): trang bị đầy đủ các thiết bị; bảo đảm phục vụ cho học sinh;</p> <p>d) Nhà ở nội trú (đối với trường có tổ chức nội trú): bố trí đủ phòng ngủ cho học sinh, có khu vệ sinh và nhà tắm; phân khu riêng cho nam và nữ; trang bị đầy đủ các thiết bị;</p>	<p>thiết bị; bảo đảm phục vụ cho hơn 400 học sinh;</p> <p>d) Nhà ở nội trú: không có</p>
Hạ tầng kỹ thuật	<p>a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;</p> <p>b) Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;</p> <p>c) Hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;</p> <p>d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại; kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;</p> <p>đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.</p>	<p>a) Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;</p> <p>b) Hệ thống cấp điện: tương đối bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động cơ bản của trường;</p> <p>c) Có hệ thống phòng cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành;</p> <p>d) Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: có điện thoại; có kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;</p> <p>đ) Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.</p>

c) Số thiết bị dạy học hiện có theo Chương trình GDPT 2018 được cấp phát; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Danh mục	Số lượng	Đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định
Thiết bị dạy học lớp 1	165 bộ	Đủ
Thiết bị dạy học lớp 2	137 bộ	Thiếu (Sử dụng Kho học liệu số)
Thiết bị dạy học lớp 3	25 bộ	Thiếu (Sử dụng Kho học liệu số, ĐD tự làm)
Thiết bị dạy học lớp 4	29 bộ	Thiếu (Sử dụng Kho học liệu số, ĐD tự làm)
Thiết bị dạy học lớp 5	37 bộ	Thiếu (Sử dụng Kho học liệu số, ĐD tự làm)

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2025-2026

1. Lớp 1

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 1	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Ngân Hoa, Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Vũ Kim Bằng, Trịnh Cẩm Lan, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 1	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thảo (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

5	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Thị Nhung (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Trần Thị Hương Ly, Hà Thị Quỳnh Nga, Phạm Văn Thuận, Nguyễn Thị Tuệ Thu.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục
9	Tiếng Anh 1	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Lương Quỳnh Trang.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 09 bản sách./.

2. Lớp 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Bùi Mạnh Hùng - Trần Thị Hiền Lương (Đồng chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Nguyễn Thị Ngọc Minh, Chu Thị Phương, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hảo Tâm.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 2	Hà Huy Khoái (Tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo Đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Phạm Việt Quỳnh, Hoàng Quý Tinh.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết, Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên), Nguyễn Thị Hà, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu, Nguyễn Thành Trung, Nguyễn Duy Tuyền, Phạm Mai Vương.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
6	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy, Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh, Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh, Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận, Trần Thị Tô Oanh, Trần Thị Thu.	NXB Giáo dục VN	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật, Trần Thị Kim Thăng, Nguyễn Thị Thanh Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Mỹ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên, Nguyễn Thị Nhung (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Hoàng Minh Phúc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Vũ Đức Long, Nguyễn Ánh Phương Nam, Lâm Yến Như, Phạm Văn Thuận, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	NXB Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
9	Tiếng Anh 2	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Nguyễn Bích Thủy, Nguyễn Quốc Tuấn.	NXB Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 09 bản sách./.

3. Lớp 3: *Danh sách này có 11 bản sách./.*

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 3	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Trần Kim Phụng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Nguyễn Lê Hằng, Vũ Thị Lan, Đặng Thị Hảo Tâm.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 3	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Tin học 3	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Tùng, Đặng Bích Việt.		
6	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường, Nguyễn Hồng Ngọc (đồng Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Võ Thị Nguyên, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
11	Tiếng Anh 3 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Phan Hà (Chủ biên), Nguyễn Thị Hải Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

4. Lớp 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 4	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Vũ Thị Thanh Hương, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phượng, Đặng Thị Hào Tâm. Nguyễn Thị Ly Kha, Trịnh Cam Ly (đồng Chủ biên),	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	
2	Toán 4	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hương, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	LS-ĐL4	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng Chủ biên cấp	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Đoàn Thị Thanh Phương.	Nam	
5	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, Triệu Anh Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tin học 4	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bách Việt.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
9	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thị Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Tiếng Anh 4 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Nguyễn Quốc Tuấn (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Trần Hương Quỳnh, Nguyễn Minh Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 12 bản sách./.

5. Lớp 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
1	Tiếng Việt 5	Tập 1: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Đỗ Hồng Dương, Nguyễn Lê Hằng, Trịnh Cẩm Lan, Vũ Thị Lan, Trần Kim Phụng	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
		Tập 2: Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Trần Thị Hiền Lương (Chủ biên), Lê Thị Lan Anh, Đỗ Hồng Dương, Vũ Thị Thanh Hương, Nguyễn Thị Kim Oanh, Đặng Thị Hào Tâm.		Kết nối tri thức với cuộc sống
2	Toán 5	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Hoàng Qué Hường, Bùi Bá Mạnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
3	Đạo đức 5	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
4	Lịch sử và Địa lí 5	Vũ Minh Giang (Tổng Chủ biên xuyên suốt phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỳ (Tổng Chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương; Đào Ngọc Hùng (Tổng Chủ biên phần Địa lí), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lí), Đặng Tiên Dung, Dương Thị Oanh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
5	Khoa học 5	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng Chủ biên), Hà Thị Lan Hương, Nguyễn Thị Hồng Liên, Ngô Diệu Nga, Nguyễn Thị Thanh Phúc, Đào Thị Sen.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
6	Tin học 5	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hà Đặng Cao Tùng.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
7	Công nghệ 5	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trịnh.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
8	Giáo dục Thể chất 5	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Đỗ Mạnh Hùng (Chủ biên), Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thu,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Thuộc bộ sách
		Phạm Mai Vương.		
9	Hoạt động trải nghiệm 5	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình, Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
10	Âm nhạc 5	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Nguyễn Thị Nga.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Kết nối tri thức với cuộc sống
11	Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Lương Thanh Khiết, Nguyễn Ánh Phương Nam, Phạm Văn Thuận.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chân trời sáng tạo
12	Tiếng Anh 5 (Global Success)	Hoàng Văn Vân (Tổng Chủ biên), Trần Hương Quỳnh (Chủ biên), Phan Hà, Đỗ Thị Ngọc Hiền, Đào Ngọc Lộc, Nguyễn Minh Tuấn, Nguyễn Quốc Tuấn.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	

Danh sách này có 12 bản sách./.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá: Nhà trường có Báo cáo kết quả tự đánh giá cuối mỗi năm học và có kế hoạch cải tiến sau tự đánh giá. Kết quả: Tự đánh giá đạt Mức độ 1.

2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm:

STT	Năm công nhận	Quyết định	Mức độ	Ghi chú
1	2016	Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2016 của UBND TP Hải Phòng	Đạt Kiểm định chất lượng giáo dục mức độ 2.	

Nhà trường tiếp tục lộ trình thực hiện việc đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục của năm học:

a) Kế hoạch tuyển sinh:

* Chỉ tiêu tuyển sinh:

- 04 lớp Một học 2 buổi/ngày và bán trú với tổng số 140 học sinh.

b) Địa bàn tuyển sinh:

- Phường Hàng Kênh (Từ tổ 1 đến tổ 9 phường Đông Hải cũ)

- Phường Dư Hàng Kênh: Tổ 16

* Đối tượng tuyển sinh:

Đối tượng tuyển sinh là trẻ sinh năm 2019 trở về trước (huy động cả trẻ khuyết tật) hiện đang sinh sống ở các địa bàn trên.

* Thời gian tuyển sinh:

- Trực tuyến, trực tiếp: Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 26/7/2025.

* Thông báo kết quả tuyển sinh: Ngày 05/8/2025.

2. Kế hoạch giáo dục của nhà trường:

- Thực hiện TT32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng BGD&ĐT về việc ban hành Chương trình GDPT 2018 (đối với lớp 1,2,3,4,5) và các văn bản chỉ đạo dạy học 2 buổi/ngày của ngành.

- Theo chỉ đạo thực hiện khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 theo quyết định của UBND thành phố Hải Phòng (khi có QĐ của UBND thành phố)

3. Quy chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục học sinh:

3.1. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình

- Thực hiện theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 22/11/2011 ban hành Điều lệ Ban Đại diện Cha mẹ học sinh.

- Nhà trường thường xuyên thông tin các hoạt động của trường, của ngành thông qua hệ thống bảng tin, trang web, sổ liên lạc, Zalo nhóm lớp, facebook của nhà trường.

- Tổ chức Hội nghị Cha mẹ học sinh 03 lần/năm.

- Thông tin về Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT của Bộ giáo dục đào tạo Ban hành Quy định về đánh giá học sinh tiểu học 04/9/2020.

- Gia đình thường xuyên trao đổi với giáo viên chủ nhiệm hoặc qua sổ liên lạc, điện thoại, Zalo, email...

3.2. Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh

- Chấp hành tốt các nội quy học sinh.

- Thái độ học tập tích cực, chủ động.
- Thực hiện tốt theo 5 điều Bác Hồ dạy.
- Biết cách tự học; tự giác và có kỷ luật.
- Năng động, sáng tạo; biết hợp tác và chia sẻ.

4. Các chương trình, hoạt động hỗ trợ học tập, rèn luyện, sinh hoạt cho học sinh ở cơ sở giáo dục

- Sinh hoạt tập thể, sinh hoạt dưới cờ theo từng chủ điểm, hoạt động ngoại khoá theo yêu cầu thực tế, phù hợp cho từng lứa tuổi học sinh.

- Sinh hoạt Đội, Sao Nhi đồng.

- Tổ chức các Lễ phát động: tháng an toàn giao thông, theo chủ đề năm.

- Tổ chức tuyên truyền, các hoạt động rèn kỹ năng sống như: Phòng tránh tai nạn thương tích, phòng tránh xâm hại, phòng tránh đuối nước, phòng tránh ma túy, các tệ nạn XH, phòng cháy chữa cháy, các sân chơi trí tuệ...

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo như: Tết cổ truyền dân tộc, Em yêu biển đảo quê hương, Vui hội trăng rằm...

5. Thực đơn hằng ngày của học sinh (*công khai hàng tuần, hàng ngày*).

2. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước (năm học 2023-2024):

1) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường:

- Học sinh lớp 1 tuyển mới: 120 em.

Khối	Số lớp	Học sinh					Tỉ lệ HS/lớp	Số HS học 2 buổi/ngày		Số HS bán trú	
		Số HS	Nữ	Dân tộc	Khuyết tật	HS có hoàn cảnh khó khăn		Số HS	%	Số HS	%
1	04	125	49	0	03	04	31.	125	100		
2	04	133	49	02	03	03	38	133	100		
3	03	111	48	02	0	04	42.2	111	100		
4	04	171	75	05	0	06	38	171	100		
5	04	152	75	01	02	11	35.2	152	100		
Tổng	19	692	296	10	8	28	37.3	692	100		

- Học sinh chuyển đi: 19 em

- Học sinh chuyển đến: 21 em

2) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT (năm học 2024-2025):

2.1. Thống kê đánh giá giáo dục:

STT	Khối / Lớp	Số	ĐÁNH GIÁ GIÁO DỤC				Ghi chú
			Hoàn thành xuất sắc	Hoàn thành tốt	Hoàn thành	Chưa hoàn thành	
1	Tổng Số	689	417	98	164	3	
2	Khối 1	124	88	15	17	2	02 HS không tham gia đánh giá
3	1A1	31	23	5	3		
4	1A2	31	19	4	7		
5	1A3	31	26	1	2	1	
6	1A4	31	20	5	5	1	
7	Khối 2	131	104	12	12		
8	2A1	32	20	4	8		
9	2A2	36	29	4	2		
10	2A3	33	27	3	1		
11	2A4	30	28	1	1		
12	Khối 3	111	73	7	30	1	
13	3A1	37	21	2	14		
14	3A2	38	24	3	10	1	
15	3A3	36	28	2	6		
16	Khối 4	172	73	44	55		
17	4A1	42	10	10	22		
18	4A2	42	18	11	13		
19	4A3	41	15	13	13		
20	4A4	47	30	10	7		
21	Khối 5	151	79	20	50		02 HS không tham gia đánh giá
22	5A1	37	12	3	20		
23	5A2	37	17	7	13		
24	5A3	36	17	7	12		
25	5A4	41	33	3	5		

2.2. Hoàn thành chương trình lớp học, hoàn thành chương trình tiểu học

- Học sinh khối 1, 2, 3, 4 hoàn thành chương trình lớp học 561/565 học sinh đạt 99,3% (03 HS khuyết tật không đánh giá);

- Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học 151/151 học sinh, đạt 100%

2.3. Kết quả khen thưởng các nội dung học tập và rèn luyện

+ Học sinh Xuất sắc: 417/682 học sinh (đạt 61,1%)

+ Học sinh Tiêu biểu hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện: 98/682 học sinh (đạt 14,4%)

- Đoàn Thanh niên CSHCM phường Hàng Kênh đã kí quyết định Công nhận 682 học sinh đạt danh hiệu cháu ngoan Bác Hồ (đạt 99%).

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài): Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH ⁷

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Dự toán được giao ngân sách trong năm 2024

* Thu ngân sách: 8.370.539.111đ

* Chi ngân sách:

- Chi tiền lương và thu nhập: 7.357.739.490 đ

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ: 939.440.293 đ

- Chi cho chuyên môn: 32.511.640 đ

- Chi hỗ trợ người học: 3.600.000đ

- Chi khác: 37.247.688đ

b) Nguồn thu khác:

TT	Nội dung	Tồn ĐK	Số thu	Số chi	Tồn quỹ
	Tổng cộng	874 891 534	5 229 859 865	5 696 723 138	408 028 261
1	Khuyến học	6 883 179		4 722 000	2 161 179
2	Bảo trợ trẻ em HS nghèo	6 219 348		6 153 148	66 200
3	Tiền ăn bán trú	223 144 994	1 650 335 000	1 643 232 160	230 247 834
4	Trồng, nuôi, quản lý bán trú	73 977 097	485 250 000	555 530 400	3 696 697
5	Qly học sinh ngoài giờ chính khoá	155 679 871	978 140 000	1 127 324 000	6 495 871
6	Vòng tay bè bạn (Đội)	6 894 540	24 326 000	201 600	18 940
7	20% BHYT	19 239 748	34 231 995	28 280 000	25 191 743

	CSSKBĐ				
8	CSVC Bán trú	34 055 562	97 360 000	84 050 925	47 364 637
9	Tiếng Anh, Tin học tự chọn	65 972 075	158 160 000	217 101 225	7 030 850
10	BHYT học sinh		604 200 870	604 200 870	
11	Nước uống	27 853 300	62 190 000	78 250 980	11 792 320
12	In sao đề	773 000			773 000
13	Kĩ năng sống	50 502 397	287 376 000	324 762 249	13 116 148
14	Tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài	129 141 617	671 120 000	759 793 317	40 468 300
15	Toán tư Duy	6 595 200		6 595 200	
16	Hỗ trợ các HD Giáo dục	67 959 606	166 080 000	215 845 064	18 194 542
17	BHXH - Khác		11 090 000	9 680 000	1 410 000

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển:

STT	Nội dung	Mức quy định của NQ 02/HĐND thành phố	Mức thu thoả thuận
I.	Khoản thu bán trú		
1	Tiền ăn (bao gồm chất đốt)	30.000đ/ngày/HS	30.000đ/ngày/HS
2	Trang thiết bị phục vụ bán trú		

	(vật dụng chung và đồ dùng cá nhân).		
2.1	<i>Đối với học sinh mới tuyển, trang bị lần đầu.</i>	360.000đ/năm/HS	360.000đ/năm/HS
2.2	<i>Các năm học tiếp theo</i>	200.000đ/năm/HS	200.000đ/năm/HS
3	Hỗ trợ người nấu ăn, chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý	150.000đ/tháng/HS	150.000đ/tháng/HS
II.	Hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày (<i>hỗ trợ các hoạt động giáo dục</i>)		
1	Khối 1, 2	30.000đ/tháng/HS	30.000đ/tháng/HS
2	Khối 3, 4,	30.000đ/tháng/HS	30.000đ/tháng/HS
III.	Quản lý trẻ/học sinh ngoài giờ hành chính	10.000đ/giờ/HS	10.000đ/giờ/HS
IV.	Các câu lạc bộ liên kết		
1	Kỹ năng sống	12.000đ/tiết	12.000đ/tiết
2	Tiếng Anh GV Việt Nam	80.000đ/tháng	80.000đ/tháng
3	Tiếng Anh GV nước ngoài	160.000đ/tháng	160.000đ/tháng
V	<i>Nước uống học sinh (Thu theo học kỳ: Học kỳ I không thu; Học kỳ II thu 5 tháng)</i>	10.000đ/tháng/HS	10.000đ/tháng/HS
VI	<i>Nội dung thu khác</i>		
	<i>Bảo hiểm y tế</i>	Văn bản HD	
1	Khối 1: Hạn thẻ 15 tháng	Căn cứ công văn số 642/BHXH-TTST ngày 05/8/2024 của Bảo hiểm xã hội quận Lê Chân về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh, sinh viên năm học 2024-2025.	1.105.650đ/HS
	Khối 1: Hạn thẻ 14 tháng		1.031.940đ/HS
	Khối 1: Hạn thẻ 13 tháng		958.230đ/HS
	Khối 1: Hạn thẻ 12 tháng		884.520 đ/HS
	Khối 2 đến khối 5 Hạn thẻ 12 tháng		884.520 đ/HS
2	<i>Kế hoạch nhỏ (35 tuần) (Theo hình thức tiết kiệm tiền ăn sáng)</i>	Kế hoạch số 27/KH-LN ngày 28/9/2023 của Quận Đoàn và Phòng GD&ĐT	1.000đ/tuần/HS

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Miễn giảm cho học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, gia đình chính sách. Tổng số tiền hỗ trợ chi phí học tập trong năm 2024 là: 3.600.000đ

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

Tồn quỹ năm 2024: 408 028 261đ

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở: Thực hiện đầy đủ đúng quy định của pháp luật về công khai.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

1. Chi bộ

- Đạt danh hiệu Hoàn thành Xuất sắc nhiệm vụ năm 2024;
- Nhận Giấy khen của Đảng ủy phường Đông Hải.

2. Tập thể trường:

- Tập thể Lao động tiên tiến.
- Được Chủ tịch UBND quận tặng giấy khen: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025.

2. Kết quả thực hiện công tác Công đoàn

- Đạt danh hiệu Công đoàn cơ sở xuất sắc cấp quận; được nhận Giấy khen của Liên đoàn Lao động quận Lê Chân.
- Có 02 đoàn viên được Liên đoàn Lao động quận tặng giấy khen.

3. Chuyên môn

3.1. Kết quả tham gia các cuộc giao lưu của học sinh

Học sinh nhà trường đã tích cực tham gia các kì giao lưu, kì thi do ngành phối hợp hoặc hội nhập khu vực và quốc tế.

Tổng số 55 giải ở tất cả các môn văn hoá, nghệ thuật, TDTT và các cấp.

- Cấp quốc gia, quốc tế: 16 giải (1 HC Bạc, 8 HC Đồng, 5 giải Nhất, 2 giải KK)
- Cấp thành phố: 20 giải (5 giải Nhất, 05 giải Nhì, 03 giải Ba, 07 KK)
- Cấp Quận: 10 giải (02 nhất, 04 nhì, 03 ba, 1KK)
- Cấp trường: 9 giải cờ vua (02 nhất, 03 nhì, 04 ba)

3.2. Kết quả tham gia các cuộc giao lưu của GV

- Cán bộ, giáo viên có những sáng kiến tốt ứng dụng vào thực tiễn trong công tác quản lý, giảng dạy. Năm học 2024-2025, có 11 sáng kiến của 21 tác giả được Hội đồng khoa học quận Lê Chân công nhận Đạt sáng kiến cấp quận.

- Giáo viên tham gia giao lưu và đạt giải cao trong các cuộc giao lưu. Năm học 2024 - 2025, 01 giáo viên đạt Giáo viên chủ nhiệm giỏi Thành phố, 06 giáo viên đạt Giáo viên dạy giỏi cấp Quận.

- Tham gia các lớp tập huấn về đổi mới Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, 2, 3, 4, 5. Đội ngũ giáo viên có sự thay đổi tích cực, năng động và sáng tạo hơn trong công tác giảng dạy để phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường; thực hiện có hiệu quả đáp ứng Chương trình GDPT 2018.

- Tích cực tham gia các cuộc thi đặc biệt là các cuộc thi trực tuyến do cấp trên tổ chức: 100% đảng viên tham gia viết bài dự thi Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tư tưởng của Đảng năm 2025.

4. Kết quả thực hiện công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh

- Đạt danh hiệu Liên đội vững mạnh.

5. Kết quả thực hiện công tác Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

- Chi đoàn vững mạnh.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT Lê Chân (để b/c);
- Tổ Công khai;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Kim Tuyền